

Bản án số: 73/2025/LĐ-PT
Ngày: 12-8-2025
Tranh chấp đơn phương chấm dứt
hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Công Lực;

Bà Trần Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Văn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Thành Nhân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20 tháng 6, ngày 18 tháng 7 và ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 2 xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLPT-LĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 05/2025/LĐ-ST ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2025/QĐ-PT ngày 02 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 09/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 10800/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1996, thường trú: ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (nay là ấp A, xã K, tỉnh Cà Mau); vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1983; địa chỉ: D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là: 45N/6, khu phố B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) và bà Lê Thị Ngọc T1, sinh năm 1990, địa chỉ: ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là ấp H, xã H, tỉnh Đồng Nai) (theo Văn bản ủy quyền ngày 12/10/2024); ông T có mặt, bà T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Hữu T2 là Luật sư của Công ty L2, địa chỉ: số E, đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số E, đường Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH S2, địa chỉ: P, Tòa nhà P, số G đường Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là G Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), địa chỉ

liên hệ: thửa đất số 364, tờ bản đồ số 43-44, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là thửa đất số 364, tờ bản đồ số 43-44, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1976; địa chỉ: Công ty L3, J72, khu dân cư B, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai) (theo Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2025); bà D và bà K có mặt.

3. Người kháng cáo: Ông Trần Văn S là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn S (gọi tắt là ông S) và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 01/3/2024, ông S được Công ty TNHH S2 (gọi tắt là Công ty) tuyển vào làm việc. Sau 01 tháng thử việc đạt yêu cầu thì ông S với Công ty ký kết hợp đồng lao động xác định thời hạn 12 tháng, kể từ ngày 01/4/2024 đến ngày 01/4/2025 với nội dung thỏa thuận: Công ty S2 tuyển dụng ông S vào làm công nhân (thợ sơn); mã số thẻ: 3324, công việc phải làm là công nhân tại Phân xưởng 3 – bộ phận chuyên S1; thời gian làm việc là 08 giờ/ngày, 48 giờ/tuần, tuần làm việc từ thứ hai đến thứ bảy; thời gian làm việc buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 12 giờ 30 đến 16 giờ 30 phút, các ngày nghỉ hàng tuần, nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật; tiền lương cơ bản theo thỏa thuận là 6.666.000 đồng/tháng, trong đó: tiền lương cơ bản 5.866.000 đồng/tháng, phụ cấp chuyên cần 500.000 đồng/tháng, phụ cấp đi lại 300.000 đồng/tháng; cùng các khoản phụ cấp, tiền độc hại, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật; địa điểm làm việc: Chi nhánh Công ty tại thửa đất số 264, tờ bản đồ 43 - 44, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông S luôn chấp hành tốt các điều khoản mà các bên thỏa thuận, chấp hành tốt nội quy, quy định của Công ty về thời gian làm việc, an toàn lao động và hoàn thành các công việc được giao. Tuy nhiên, Công ty yêu cầu ông S: 07 giờ sáng hàng ngày phải có mặt tại Công ty để làm việc, nhưng không được Công ty cộng thời gian này vào thời gian làm việc. Vì vậy, lúc 07 giờ 05 phút ngày 06/6/2024, khi vào Công ty họp thì ông S nói theo thỏa thuận giữa người lao động với Công ty thì thời gian ông S bắt đầu làm việc từ 07 giờ 30 sáng chứ không phải là 07 giờ sáng, nếu Công ty buộc ông S đi làm lúc 07 giờ thì phải trả thêm tiền cho ông S. Lúc này, Chuyên trưởng Chuyên sơn ông Trần Vũ L, Quản đốc phân xưởng ông Nguyễn Văn S1 nói đây là quy định của Công ty, bắt buộc ông S phải làm từ 07 giờ, nếu không làm thì cho nghỉ việc. Ông S thắc mắc thì ông L và ông S1 chửi và nói sẽ trả ông S về phòng nhân sự, không cho ông S làm việc nữa.

Sau đó, ông S vẫn vào xưởng làm việc bình thường. Tuy nhiên, khoảng 09 giờ 25 phút ngày 06/6/2024, Phòng nhân sự Công ty mời ông S lên lập biên bản nói ông S vi phạm Nội quy Công ty, chống đối cấp trên nên sa thải ông S và Công ty cho Bảo vệ vào đuổi ông S ra khỏi Công ty, không cho ông S làm việc.

Hôm sau, ông S đến làm việc thì Công ty cũng không cho ông S vào làm việc và yêu cầu ông S phải ký vào đơn thôi việc. Ông S yêu cầu Công ty chốt sổ bảo hiểm và tiền lương những ngày ông S đã làm việc, nếu sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng thì phải ban hành quyết định và giao quyết định cho ông S thì ông S mới nghỉ, nhưng Công ty vẫn không ban hành quyết định. Công ty yêu cầu ông S phải ký vào đơn thôi

việc thì mới trả tiền lương tháng 5 và những ngày làm việc tháng 6 năm 2024 cho ông S; không đồng ý chốt sổ bảo hiểm cho ông S.

Việc Công ty lấy lý do ông S thắc mắc về thời gian làm việc để đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông S là trái luật, đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông S không có căn cứ, không đúng thực tế; không tổ chức họp xử lý kỷ luật, không ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng lao động theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật nên ông S khởi kiện Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

Buộc Công ty trả tiền lương, tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong những ngày ông S không được làm việc, tính từ ngày 07/6/2024 cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử là 20 tháng, cụ thể: tiền lương những ngày ông S không được làm việc là 6.666.000 đồng/tháng x 20 tháng = 133.320.000 đồng; đóng các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho ông S tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền gồm: Bảo hiểm xã hội 6.666.000 đồng/tháng x 20 tháng x 17%/tháng = 22.664.400 đồng; Bảo hiểm y tế 6.666.000 đồng/tháng x 20 tháng x 3%/tháng = 3.999.600 đồng; Bảo hiểm thất nghiệp 6.666.000 đồng/tháng x 20 tháng x 1%/tháng = 1.333.200 đồng; Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp 6.666.000 đồng/tháng x 20 tháng x 0,5%/tháng = 666.000 đồng; bồi thường 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động là 02 tháng x 6.660.000 đồng/tháng = 13.332.000 đồng; bồi thường cho ông S khoản tiền lương tương ứng với tiền lương của ông S do Công ty V thời gian báo trước 30 ngày x (6.666.000 đồng/tháng : 26 ngày) = 7.622.000 đồng; yêu cầu Công ty nhận ông S trở lại làm việc.

Trường hợp Công ty không nhận ông S trở lại làm việc thì phải bồi thường thêm cho ông S thêm các khoản tiền sau: bồi thường 04 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động x 6.666.000 đồng/tháng = 26.664.000 đồng; bồi thường một khoản tiền thay cho tiền trợ cấp thất nghiệp là 06 tháng x 10.000.000 đồng/tháng : 6 tháng) x 60% x 03 tháng = 18.000.000 đồng; tiền phép năm năm 2024 tạm tính là 8 ngày x 256.385 đồng/ngày = 2.051.000 đồng; tiền lương tháng 5 và 06 ngày làm việc của tháng 6 năm 2024 Công ty chưa thanh toán là 6.666.000 đồng + 06 ngày tháng 6 năm 2024 là 1.538.000 đồng (6 ngày làm việc từ ngày 01/6/2024 đến ngày 06/6/2024) = 8.204.000 đồng; tiền lương ngày lễ 30/4 và ngày quốc tế lao động 01/5, ngày Quốc khánh 02/9 Công ty chưa thanh toán cho ông S, tạm tính là 1.000.000 đồng; tiền phụ cấp độc hại chưa thanh toán tạm tính là 5.000.000 đồng. Tổng cộng, ông S yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH S2 phải thanh toán cho ông S số tiền 215.263.000 đồng.

** Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH S2 trình bày:*

Ông Trần Văn S ký hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng với Công ty từ ngày 01/4/2024 đến ngày 01/4/2025, mức lương 5.866.000 đồng/tháng, vị trí làm việc tại X - C. Ngày 06/6/2024, khoảng 07 giờ 25 phút, trước khi bắt đầu công việc theo như thường lệ, tất cả các tổ sẽ tập hợp công nhân họp đầu ca để triển khai công việc, nhắc nhở nội quy, chất lượng, tiến độ v.v... Khi nhóm trưởng Võ Văn Vũ L1 đang họp thì ông S ngồi bấm điện thoại, ông Trần Vũ L – quản lý nói với ông Võ Văn Vũ L1: “sao mà *đừng họp mà công nhân ở dưới ngồi bấm điện thoại*”. Ông S trả lời: “ông S ký hợp đồng với Công ty là 7h30 làm việc, sau thời gian đó muốn làm gì thì làm”. Sau đó, giữa ông Trần Vũ L với ông Trần Văn S có nói qua lại với nhau và xảy ra cự cãi, ông S đẩy ông Trần Vũ L ngã vào tủ phía sau và dọa đánh ông L.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, Công ty mời ông S lên Phòng nhân sự để làm việc. Tại buổi làm việc, ông Nguyễn Văn T3 - Giám sát lao động đã lập Biên bản sự việc và đề nghị xử lý kỷ luật đối với ông S là sa thải. Ông S không ký vào biên bản và thoả thuận đồng ý viết đơn xin nghỉ việc. Tuy nhiên, khi nhân viên bộ phận nhân sự đưa hồ sơ xin nghỉ việc thì ông S nói “*Công ty sa thải nên ông S không viết đơn và bỏ đi về*”.

Từ ngày 07/6/2024 đến ngày 13/6/2024, ông S không đến Công ty làm việc, nghỉ việc không lý do và không có bất kỳ thông báo nào gửi cho Công ty. Ngày 14/6/2024, ông T3 - Giám sát lao động gọi điện thoại cho ông S theo số điện thoại 0984600839 để yêu cầu ông S đến Công ty làm rõ vấn đề ông S không đến Công ty làm việc và giải quyết việc vi phạm Nội quy Công ty vào ngày 06/6/2024. Khoảng 16 giờ đến 16 giờ 30 phút ngày 14/6/2024, ông S đến Công ty yêu cầu Công ty trả lương và Bảo hiểm xã hội. Đại diện Công ty giải thích theo quy định và theo Nội quy Công ty về việc ông S nghỉ việc không có lý do từ ngày 07/6/2024 đến ngày 13/6/2024 và yêu cầu ông S ký hồ sơ giải quyết sự việc, nhưng ông S không ký và tiếp tục ra về.

Tại Biên bản hoà giải tranh chấp lao động ngày 06/11/2024, ông S trình bày: do ông S không đồng ý với các nội dung vi phạm Nội quy Công ty vào ngày 06/6/2024 nên ông S bị Công ty đuổi ra ngoài cổng, không cho vào làm việc theo hợp đồng lao động; ngày 07/6/2024, ông S đến Công ty làm việc nhưng Công ty yêu cầu ông S ký vào đơn nghỉ việc nên ông S không đồng ý. Tất cả lời trình bày trên trong đơn khởi kiện của ông S là không đúng sự thật và không có chứng cứ.

Đối với tiền lương tháng 5 năm 2024 và tiền lương ngày lễ 30/4 và 01/5, Công ty đã chi trả qua số tài khoản cá nhân của ông S vào ngày 10/6/2024. Tổng cộng: số tiền 9.167.000 đồng. Đối với tiền lương tháng 6 năm 2024, Công ty chưa thực hiện việc chi trả cho ông S bởi ông S bỏ việc từ ngày 07/6/2024 và không đến Công ty để giải quyết vụ việc và thoả thuận có tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động hay không nên Công ty chưa chi trả tiền lương 06 ngày làm việc trong tháng 6 cho ông S.

Việc đóng BHXH, BHYT, BHTN, Công ty đã đóng cho ông S theo quy định đến hết tháng 5 năm 2024. Từ ngày 07/6/2024, ông S không đến Công ty làm việc nên Công ty tạm ngừng đóng các khoản BHXH, BHYT, BHTN. Đối với yêu cầu thanh toán tiền phép năm, ông S đã nghỉ phép tháng 4 và tháng 5 nên không có cơ sở để Công ty chi trả.

Đối với các yêu cầu khác, Công ty không đồng ý vì Công ty chưa ban hành bất kỳ văn bản chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông S nên các yêu cầu bồi thường của ông S là không có căn cứ chấp nhận. Tại thời điểm xét xử, do thời hạn của hợp đồng lao động đã hết nên Công ty không thể nhận ông Trần Văn S quay trở lại làm việc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S về việc buộc Công ty thanh toán cho ông S 06 ngày lương của tháng 6 năm 2024, không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện còn lại của ông S.

Tại Bản án số 05/2025/LĐ-ST ngày 03-4-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh) đã căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 20, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 39; Điều 41; Điều 90 của Bộ luật Lao động năm 2019 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn S đối với bị đơn Công ty TNHH S2 về việc “*tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật*”, yêu cầu bồi thường các khoản với tổng số tiền 215.263.000 đồng và yêu cầu Công ty TNHH S2 nộp các khoản bảo hiểm xã hội cho ông Trần Văn S trong thời gian không làm việc tại Công ty TNHH S2 từ ngày 07/6/2024.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn S đối với bị đơn Công ty TNHH S2 về “*tranh chấp tiền lương*”. Buộc Công ty TNHH S2 thanh toán cho ông Trần Văn S tiền lương 06 ngày làm việc của tháng 6 năm 2024 là 1.353.690 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí lao động sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 10/4/2025, nguyên đơn ông Trần Văn S nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20 tháng 6 năm 2025, nguyên đơn ông Trần Văn S vắng mặt và có đơn xin hoãn phiên tòa lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa ngày 18 tháng 7 năm 2025, nguyên đơn ông Trần Văn S, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Hữu T và bà Lê Thị Ngọc T1 vắng mặt, luật sư Lê Hữu T2 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin hoãn phiên tòa để triệu tập bà Lê Thị Ngọc T1 do bà T1 chưa nhận được giấy triệu tập của Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa ngày 12 tháng 8 năm 2025, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Lê Thị Ngọc T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, kèm theo bản luận cứ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy toàn bộ bản án sơ thẩm; người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Hữu T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Lê Hữu T2 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Sê.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông S, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thời gian chuyển hồ sơ kháng cáo theo Điều 283 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy: Bản án số 05/2025/LĐ-ST ngày 03/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh) xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn S đối với bị đơn Công ty TNHH S2 về việc “*tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật*”, với yêu cầu buộc Công ty phải thanh toán và bồi thường cho ông S các khoản với tổng số tiền 215.263.000 đồng và đóng các khoản bảo hiểm xã hội cho ông S trong thời gian không làm việc là có căn cứ. Ông S kháng cáo đề

ngợi Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về kiến nghị, khắc phục thiếu sót: không.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự, Luật sư và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hướng giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án lao động về việc “*tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh) theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm b và d khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn S (gọi tắt là ông S) được thực hiện trong thời hạn luật định và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn án phí nên hợp lệ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, phía nguyên đơn cung cấp Vi bằng số 840/2025/VB-TPL ngày 30/6/2025 do Văn phòng T5 và đề nghị triệu tập 03 người làm chứng gồm: ông Nguyễn Văn C, ông Võ Văn Vũ L1 và ông Đinh Văn C1 là người làm chung với Công ty với ông S, xét thấy: tại Tòa án cấp sơ thẩm, phía nguyên đơn không lập Vi bằng để không cung cấp cho Tòa án, nội dung Vi bằng là ghi nhận lại file ghi âm có tên “*Bản ghi 1*” được ông Trần Văn S trình bày và xác nhận “*là ghi âm lại cuộc nói chuyện, trao đổi giữa ông S và bà C2 vào ngày 07/6/2025*” và “*Bản ghi 2*” được ông Trần Văn S trình bày và xác nhận “*là ghi âm cuộc nói chuyện, trao đổi giữa ông S và ông T3 vào ngày 07/6/2025*” (tức sau khi ông S đã khởi kiện và sau khi sự việc đã xảy ra 01 năm) và lời khai, cam kết có cùng nội dung của 03 người làm chứng nêu trên. Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy, ông Nguyễn Văn C, ông Võ Văn Vũ L1 và ông Đinh Văn C1 đã có lời trình bày và đã được Văn phòng T6 ghi nhận nên việc triệu tập người làm chứng tham gia phiên tòa là không cần thiết.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của S, nhận thấy: quá trình giải quyết vụ án, Công ty TNHH S2 (gọi tắt là Công ty S2) thừa nhận có ký kết Hợp đồng lao động số 3324/01/2024/HĐLĐ ngày 01/4/2024 có thời hạn 01 năm với ông Trần Văn S (từ ngày 01/4/2024 đến ngày 01/4/2025), vị trí công tác: Thợ, bộ phận X3-Chuyên sơn; mức lương 5.866.000 đồng và các chế độ bảo hiểm theo quy định; thời gian làm việc: buổi sáng 7h30-11h30, buổi chiều 12h30-16h30 (bút lục 40-41) nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[5] Quá trình làm việc tại Công ty, nhận thấy: lúc 07 giờ 30 phút ngày 06/6/2024, ông Nguyễn Thành T4, chức vụ ĐT Bảo vệ lập “*Biên bản sự việc cãi lộn, xô xát tại X2 và X3*” với nội dung “*anh Trần Văn S (bộ phận S1) và anh Trần Vũ L (quản lý chuyên sơn) đã có cãi vã, xô xát với nhau. Bảo vệ tiến hành lập biên bản và mời anh Trần Văn S lên PHCNS*”, biên bản này chỉ có ông Nguyễn Thành T4 ký tên (bút lục 30). Lúc 16 giờ ngày 14/6/2024, ông Nguyễn Thành T4, chức vụ Đội trưởng Bảo vệ lập “*Biên bản sự*

việc công nhân đến Công ty” xác định “Vào lúc khoảng 16h00, ngày 14-06-2024, có anh Trần Văn S đến cổng Công ty S2 gặp bảo vệ đăng ký để được vào cổng. Sau khi đăng ký xong, bảo vệ liên hệ phòng nhân sự của Công ty và cho anh Trần Văn S vào. Sau đó, khoảng 16h45 anh S ra về”, biên bản này cũng chỉ có ông Nguyễn Thành T4 ký tên (bút lục 29) nên không có căn cứ để xem xét.

[6] Theo đơn khởi kiện, ông S cho rằng: ngày 06/6/2024, Phòng nhân sự mời ông S lên Văn phòng lập biên bản vi phạm nội quy Công ty, do ông S không đồng ý với việc Công ty yêu cầu ông S đến Công ty làm việc lúc 07 giờ sáng nên không đồng ý với nội dung vi phạm do Công ty lập. Vì vậy, Công ty đuổi ông S ra ngoài, không cho ông S vào Công ty làm việc; hành vi trên của Công ty là đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông S nên ông S khởi kiện yêu cầu Công ty phải thanh toán và bồi thường cho ông S với tổng số tiền 215.263.000 đồng. Xét thấy, theo như đã nêu tại mục [4] thì hai bên thỏa thuận thời gian làm việc buổi sáng từ 7h30-11h30 nên việc quản lý của Công ty yêu cầu ông S có mặt tại Công ty lúc 07 giờ là không đúng thỏa thuận tại hợp đồng lao động đã ký giữa người lao động với người sử dụng lao động. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty xác định Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông S; do ông S mâu thuẫn với quản lý chuyên môn nên tự ý nghỉ việc từ ngày 07/6/2024 đến ngày 13/6/2024 không có lý do; theo bảng chấm công do Công ty cung cấp thì từ ngày 06/6/2024 đến ngày 29/6/2024, ông S không đến Công ty làm việc. Công ty cho rằng đã gọi điện cho ông S qua số điện thoại cá nhân 0984600839 để yêu cầu ông S đến Công ty giải quyết vấn đề ông S không đến Công ty làm việc; “chiều ngày 14/6/2024, ông S có đến Công ty, Công ty giải thích theo quy định và nội quy Công ty về việc ông S nghỉ việc không có lý do từ ngày 07/6/2024 đến ngày 13/6/2024 và ông S tiếp tục bỏ ra về không đến Công ty làm việc”. Công ty đã thông báo yêu cầu ông S quay trở lại Công ty làm việc, nhưng ông S không quay trở lại làm việc và cũng không có bất kỳ thông báo nào gửi cho Công ty. Cho đến nay, Công ty vẫn chưa ban hành quyết định xử lý kỷ luật lao động hay chấm dứt hợp đồng lao động với ông Trần Văn S.

[7] Xét thấy, tại Biên bản hòa giải tranh chấp lao động ngày 06/11/2024, “Công ty yêu cầu ông S đến làm việc theo hợp đồng lao động hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định, để Công ty C3 và bảo hiểm xã hội và nhận tiền lương những ngày làm việc tháng 6/2024” (bút lục 15). Theo các tài liệu, chứng cứ do Công ty cung cấp, thể hiện: Ngày 09/11/2024, Công ty có Thông báo số 011/2024/TB-SKS về việc “yêu cầu ông Trần Văn S quay lại Công ty tiếp tục thực hiện Hợp đồng lao động số 3324/01/2024/HDLĐ” kể từ ngày 15/11/2024; ngày 09/11/2024, Công ty đã gửi thông báo trên cho ông S nhưng giao không thành công với lý do “Người nhận hẹn phát lại” (bút lục 66-67). Ngày 12/11/2024, Công ty tiếp tục ra Thông báo (lần 2) số 013/2024/TB-SKS về việc “yêu cầu ông Trần Văn S quay lại Công ty tiếp tục thực hiện Hợp đồng lao động số 3324/01/2024/HDLĐ” kể từ ngày 18/11/2024; ngày 12/11/2024, Công ty đã gửi thông báo trên cho ông Trần Văn S và ông S đã nhận được vào lúc 15 giờ 58 phút ngày 13/11/2024 (bút lục 64-65), nhưng ông S vẫn không đến Công ty làm việc là tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông Trần Văn S nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S là có căn cứ.

[8] Về yêu cầu trả tiền lương tháng 5 và 06 ngày làm việc đầu tháng 6 năm 2024, nhận thấy: Công ty đã chuyển tiền lương tháng 5 cho ông S vào ngày 10/6/2024. Riêng 06 ngày làm việc của tháng 6 năm 2024, Công ty thừa nhận chưa thanh toán tiền lương cho 06 ngày làm việc nên cần buộc Công ty thanh toán cho ông S số tiền này. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 54 Nghị định 145/2020/NĐ-CP, mức lương ngày của ông S là

5.866.000 đồng/tháng chia cho 26 ngày = 225.615 đồng/ngày; số tiền lương 06 ngày x 225.615 đồng/ngày = 1.353.690 đồng. Đối với yêu cầu thanh toán tiền nghỉ phép năm và tiền lương các ngày lễ: Theo quy định tại Điều 113 Bộ luật Lao động và hồ sơ chấm công có xác nhận của ông S, Công ty đã bố trí cho ông S nghỉ phép năm vào các ngày 18/4 và 13/5/2024, đồng thời đã thanh toán tiền lương các ngày lễ 30/4 và 01/5. Không có căn cứ xác định ông S còn ngày nghỉ phép chưa sử dụng hoặc chưa được thanh toán tiền lương ngày lễ. Do đó, yêu cầu của ông S không được chấp nhận. Về yêu cầu thanh toán phụ cấp độc hại: Hợp đồng lao động số 3324/01/2024/HĐLD ngày 01/4/2024 không thể hiện nội dung thỏa thuận về phụ cấp độc hại. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông S đối với khoản tiền 5.000.000 đồng.

[9] Về yêu cầu buộc Công ty N, y tế, thất nghiệp: Do Công ty chỉ B từ tháng 6/2024 với lý do nghỉ không lương, không phải do đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật; đồng thời, ông S không làm việc thực tế trong thời gian này nên không có căn cứ buộc Công ty nộp các khoản bảo hiểm nêu trên cho thời gian ông S không làm việc.

[10] Về yêu cầu được nhận trở lại làm việc: Hợp đồng lao động đã hết thời hạn tính đến thời điểm xét xử phúc thẩm, nên không có cơ sở để buộc Công ty tiếp tục tiếp nhận ông S trở lại làm việc và chi trả các khoản lương, bảo hiểm liên quan.

[11] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn S và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp.

[12] Về án phí lao động phúc thẩm: nguyên đơn ông Trần Văn S được miễn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 286, Điều 293, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 34, 47 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn S. Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 05/2015/LĐ-ST ngày 03/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh) như sau:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn S đối với bị đơn Công ty TNHH S2 về tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, yêu cầu bồi thường các khoản với tổng số tiền 215.263.000 đồng và yêu cầu Công ty TNHH S2 nộp các khoản bảo hiểm xã hội cho ông Trần Văn S trong thời gian không làm việc tại Công ty TNHH S2 từ ngày 07/6/2024.

1.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn S đối với bị đơn Công ty TNHH S2 về tranh chấp tiền lương. Buộc Công ty TNHH S2 thanh toán cho ông Trần Văn S tiền lương của 06 ngày làm việc của tháng 6/2024 là 1.353.690 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

1.3. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Trần Văn S được miễn án phí. Công ty TNHH S2 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

2. Về án phí lao động phúc thẩm: Ông Trần Văn S được miễn theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Thành phố HCM;
- TAND khu vực 17 – Thành phố HCM;
- Thi hành án dân sự khu vực 17- TP. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS (14) (56)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đắc Cường